

Kiểm tra chương 1_ HK1 toán 5_KNTT

Câu 1: Số 89 075 đọc là:

- A. Tám chín nghìn không trăm bảy mươi lăm
- B. Tám mươi chín nghìn không trăm bảy mươi năm
- C. Tám mươi chín nghìn không trăm bảy mươi lăm
- D. Tám chín nghìn không trăm bảy mươi lăm

Câu 2: Giá trị của chữ số 7 trong số 57 895 là:

- A. 70
- B. 700
- C. 7000
- D. 70 000

Câu 3: Số sáu mươi tám nghìn không trăm linh chín được viết là:

- A. 6 809
- B. 68 009
- C. 68 089
- D. 68 099

Câu 4: Điền vào chỗ chấm: $45\,305 = 40\,000 + \dots + 300 + 5$

- A. 5
- B. 50
- C. 500
- D. 5000

Câu 5: Làm tròn số 778 052 đến hàng chục nghìn ta được số?

- A. 770 000
- B. 780 000
- C. 778 000
- D. 870 000

Câu 6: Làm tròn số 375 605 đến hàng nghìn ta được số?

- A. 376 000
- B. 375 000
- C. 377 000
- D. 375 600

Câu 7: Trung bình cộng của hai số 357 và 123 là:

- A. 480
- B. 250
- C. 240
- D. 440

Câu 8: Hãy giúp Lan sắp xếp các phân số trong bảng theo thứ tự giảm dần:



- ☐ A. $\frac{1}{2}; \frac{2}{3}; \frac{3}{4}; \frac{4}{5}$
- ☐ B. $\frac{1}{2}; \frac{2}{3}; \frac{4}{5}; \frac{3}{4}$
- ☐ C. $\frac{4}{5}; \frac{3}{4}; \frac{2}{3}; \frac{1}{2}$
- ☐ D. $\frac{4}{5}; \frac{3}{4}; \frac{1}{2}; \frac{2}{3}$

Câu 9: Phân số $\frac{19}{6}$ nhỏ hơn số nào sau đây:

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10: Dấu thích hợp vào chỗ chấm $1\frac{5}{24} \dots \frac{30}{24}$ là:

- A. >. B. <. C. =. D. +.

Câu 11: Phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{15}{10}$. B. $\frac{120}{100}$. C. $\frac{113}{79}$. D. $\frac{12}{30}$.

Câu 12: Trong rổ có 100 quả trứng gà. Mẹ mang 65 quả ra chợ bán. Phân số biểu diễn số trứng mẹ đã mang đi bán là:

- A. $\frac{65}{100}$. B. $\frac{100}{65}$. C. $\frac{35}{65}$. D. $\frac{65}{35}$.

Câu 13: Số thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{15}{39} < \frac{\dots}{39} < \frac{16}{38}$ là:

- A. 15. B. 16. C. 17. D. 18.

Câu 14: Hai lớp tham gia trồng cây. Lớp thứ nhất trồng được 40 cây.

Lớp thứ hai trồng được $\frac{4}{5}$ số cây của lớp thứ nhất. Tổng số cây mà hai lớp trồng được là:

- A. 32. B. 50. C. 60. D. 72.

Câu 15: Kết quả của phép tính $\frac{10 \times 12 \times 5}{20 \times 21}$ là:

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{2}{7}$. C. $\frac{2}{5}$. D. $\frac{1}{7}$.

Câu 16: Kết quả của phép tính: $\frac{7}{8} - \frac{5}{6} =$? là:

- A. $\frac{2}{2}$ B. 1 C. $\frac{1}{24}$ D. $\frac{2}{24}$

Câu 17: Điền số thích hợp vào chỗ trống: $\boxed{?} - \frac{2}{15} = \frac{14}{30}$

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{11}{5}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{6}{5}$

Câu 18: Điền dấu thích hợp vào chỗ trống trong phép tính

sau: $\frac{3}{8} + \frac{2}{5} \dots \frac{1}{4} + \frac{9}{20}$

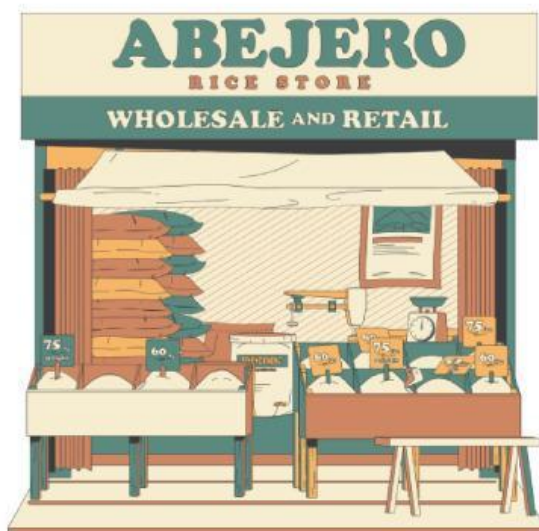
- A. > B. < C. = D. +

Câu 19: Tính rồi rút gọn biểu thức $\frac{7}{3} - \frac{5}{8} + \frac{3}{4}$ được kết quả là:

- A. $\frac{8}{7}$ B. $\frac{27}{53}$ C. $\frac{59}{24}$ D. $\frac{1}{8}$

Câu 20: Một quầy lương thực buổi sáng bán được $\frac{2}{7}$ tổng số gạo, buổi chiều bán được $\frac{3}{5}$ tổng số gạo. Hỏi số gạo còn lại chiếm bao nhiêu phần số gạo của quầy lương thực đó?

- A. $\frac{31}{35}$
B. $\frac{5}{7}$
C. $\frac{4}{35}$
D. $\frac{2}{5}$



Câu 21: Một vòi nước giờ thứ nhất chảy được $\frac{1}{4}$ bể nước, giờ thứ hai chảy được thêm $\frac{2}{6}$ bể nước. Hỏi sau hai giờ vòi nước đó chảy được bao nhiêu phần bể nước?

- A. $\frac{1}{12}$ B. $\frac{7}{12}$ C. $\frac{2}{12}$ D. $\frac{5}{12}$

Câu 22: Tìm hỗn số biết phần nguyên của hỗn số là số chẵn lớn nhất có hai chữ số giống nhau, phần tử số của phân số là số lẻ nhỏ nhất có một chữ số, phần mẫu số của phân số là số tròn chục bé nhất.

A. $98\frac{1}{10}$

B. $98\frac{9}{10}$

C. $88\frac{1}{10}$

D. $88\frac{9}{10}$

Câu 23: Chuyển hỗn số $9\frac{3}{10}$ thành phân số ta được phân số đúng là:

A. $\frac{12}{10}$

B. $\frac{3}{90}$

C. $\frac{27}{10}$

D. $\frac{93}{10}$

Câu 24: Phân số $\frac{27}{4}$ được viết dưới dạng hỗn số là:

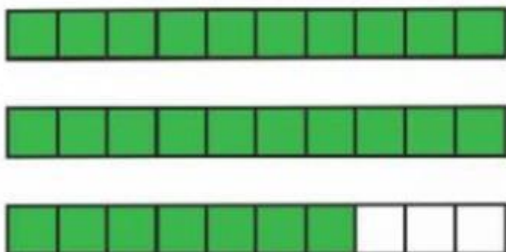
A. $7\frac{2}{4}$

B. $6\frac{3}{4}$

C. $5\frac{1}{4}$

D. $3\frac{6}{4}$

Câu 25: Viết thành hỗn số:



A. $7\frac{1}{3}$

B. $2\frac{7}{10}$

C. $2\frac{1}{3}$

D. $2\frac{3}{10}$

Câu 26: Chu vi hình vuông có cạnh là 15 m là:

A. 30 m.

B. 60 m.

C. 225 m.

D. 60 m^2 .

Câu 27: Một sân chơi hình chữ nhật có chiều dài là 16m, chiều rộng là 14m. Diện tích sân chơi đó là:

A. 60 m.

B. 224 m.

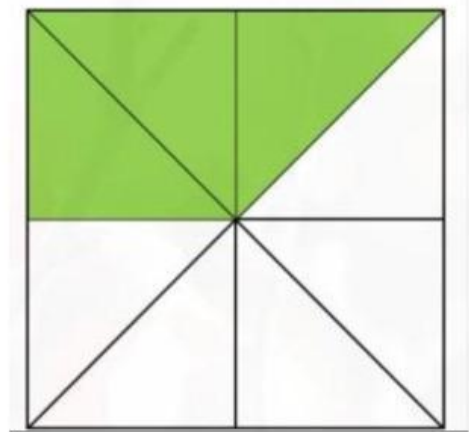
C. 60 m^2 .

D. 224 m^2 .

Câu 28: Bạn Nam cao 156 cm, bạn Yến cao 15 dm. Bạn Nam cao hơn yến số xăng-ti-mét là:

- A. 6 B. 7 C. 15 D. 16

Câu 29: Phân số chỉ phần đã tô màu xanh là:



- A. $\frac{3}{8}$. B. $\frac{3}{10}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{5}{3}$.

Câu 30: Không đặt tính hãy nhẩm kết quả phép tính sau;

$$125 \times 15 \times 8 = \dots ?$$

- A. 120 B. 1000 C. 1875 D. 15000